

---

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

---

---

## MỤC LỤC

## TRANG

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC 1- 3
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN 4- 5
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN 6- 7
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 8
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 9
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 10- 20

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/12/2009**

Ban giám đốc Công ty trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### **1. Tổ chức, ngành nghề đăng ký kinh doanh, vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân có quá trình hình thành và phát triển như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2203001113 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02 tháng 11 năm 2007;

Một số thông tin tổng hợp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<b>Tên doanh nghiệp</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN</b>
<b>Trụ sở chính</b>	Số 1 Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
<b>Vốn kinh doanh</b>	300.000.000.000 VNĐ

**Ngành nghề kinh doanh :**

- Kinh doanh khai thác cảng;
- Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, bảo quản, đóng gói và giao nhận hàng hoá;
- Kinh doanh dịch vụ lưu kho, bãi;
- Vận tải, dịch vụ đại lý vận tải hàng hoá đường bộ, đường thuỷ, đại lý tàu biển;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển;
- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cảng biển;
- Xuất nhập khẩu hàng hoá./

### **2. Hợp đồng liên doanh**

Ngày 06/11/2007, công ty ký kết HDLD với đối tác SSA Holdings International - Vietnam, Inc. (SSAHVN) thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát - Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân (CICT).

Căn cứ theo giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 221022000116 do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 03/06/2008 cho CICT:

- Tên dự án đầu tư: Xây dựng và vận hành khai thác cầu tàu số 2, 3, 4 cảng Cái Lân;
- Địa điểm thực hiện dự án: Bến số 2, 3, 4 hiện hữu tại cảng Cái Lân
- Mục tiêu và quy mô dự án:
  - ✓ Thiết kế, cung cấp tài chính, xây dựng ,trang bị, vận hành và khai thác toàn bộ các cầu tàu số 2, 3, 4 để nhận các tàu công-ten-nơ đến 40.000 DWT;
  - ✓ Cung cấp các dịch vụ cảng để nâng cao hiệu quả vận hành các tàu hiện có tại cảng Cái Lân theo thoả thuận hợp tác với cảng Quảng Ninh;
  - ✓ Thiết lập các phương tiện và hệ thống lo-gis-tic để hỗ trợ việc vận hành cảng.
- Thời hạn hiệu lực liên doanh: 50 năm
- Vốn góp liên doanh: 30.900.000 USD, trong đó:
  - ✓ Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân góp 15.75.000 USD, chiếm 51% vốn liên doanh, bằng giá trị quyền sử dụng đất và tiền mặt;
  - ✓ SSAHVN góp 15.141.000 USD, chiếm 49% vốn liên doanh, bằng tiền mặt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Địa chỉ : Số 1 - Đường Cái Lân - Bãi Cháy - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

**3. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị của công ty trong năm tài chính từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/12/2009 gồm:

Ông Đỗ Hồng Phấn	Chủ tịch
Ông Lê Triều Thanh	Phó chủ tịch
Ông Trần Mạnh Hà	Ủy viên
Ông Vũ Khắc Từ	Ủy viên
Ông Vũ Văn Tiên	Ủy viên

**4. Ban giám đốc**

Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/12/2009 gồm:

Ông Nguyễn Hồng Dương	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Toàn	Phó tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tư Thịnh	Kế toán trưởng

**5. Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được đính kèm báo cáo này.

**6. Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính năm của Công ty kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Thủ Đô - CACC.

Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Thủ Đô - CACC là Công ty kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán năm 2010 theo Công văn 884/VACPA ngày 30/12/2009 của Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam.

Trụ sở: Lô 16, D6 khu Quận uỷ Thanh Xuân, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.  
Điện thoại: (84) 04 62 852 318 Fax: (84) 04 62 852 317

**7. Kết quả hoạt động kinh doanh**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lãi: 8.173.083.114 VNĐ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009. Kết quả kinh doanh nêu trên sẽ được Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân phân phối theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật sửa đổi bổ xung theo chế độ hiện hành.

Kết quả kinh doanh trên của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân đã tạm trích nộp một phần các nghĩa vụ về thuế với Ngân sách nhà nước.

**8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Theo đánh giá của Ban Giám đốc, ngoài các sự kiện nêu trên, tính đến thời điểm lập Báo cáo này, không có bất kỳ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày khoá sổ nào xảy ra, có khả năng ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2009.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Địa chỉ : Số 1 - Đường Cái Lân - Bãi Cháy - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

**9. Xác nhận của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt và đại diện



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

**Nguyễn Hồng Dương**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 01 năm 2010

**Nguyễn Tư Thịnh**  
Kế toán trưởng





## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Thủ Đô (CACC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, đã được trình bày từ trang 06 đến trang 20;

Các Báo cáo tài chính này được lập theo các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại Ghi chú số 03 trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân; Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Quá trình kiểm toán của chúng tôi đã được tiến hành phù hợp với các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam, Quy chế kiểm toán độc lập hiện hành ở Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán nhằm thu thập các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính có tránh khỏi các sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi cũng đánh giá những kế hoạch và quyết định quan trọng của Ban Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay chưa.

Công việc kiểm toán bao gồm: kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, các ghi chép kế toán và phương pháp kế toán mà Công ty đã áp dụng để lập Báo cáo tài chính và những bằng chứng có liên quan đến số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính.

Để đưa ra ý kiến chúng tôi cũng đánh giá tổng quát về các thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính và thực hiện các thủ tục kiểm toán khác mà chúng tôi xét thấy cần thiết trong từng trường hợp.

Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

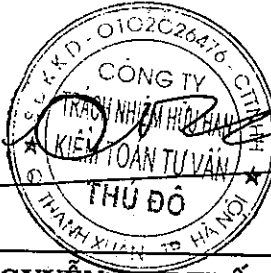
### **Ý Kiến soát xét**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã:

- (a) Phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN THỦ ĐÔ (CACC)**



**NGUYỄN ANH TUẤN**

Tổng giám đốc

Kiểm toán viên Việt Nam

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1234/KTV

Ngày 25 tháng 01 năm 2010

**Phạm Thuý Tình**

Người chịu trách nhiệm kiểm toán

Kiểm toán viên Việt Nam

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1233/KTV

34/2010/Đ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
NĂM 2009**

Đơn vị tiền tệ: VNĐ

TÀI SẢN				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>122,628,018,225</b>	<b>111,707,525,226</b>
Tiền & các khoản tương đương tiền	110		116,822,472,202	107,844,282,207
Tiền	111	VI.01	1,322,472,202	2,250,742,069
Các khoản tương đương tiền	112		115,500,000,000	105,593,540,138
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu	130	VI.02	5,749,798,581	3,333,877,848
Phải thu của khách hàng	131		3,461,292,850	342,317,957
Trả trước cho người bán	132		17,536,162	12,563,000
Các khoản phải thu khác	135		2,270,969,569	2,978,996,891
Tài sản ngắn hạn khác	150	VI.04	55,747,442	529,365,171
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		30,000,000	30,000,000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,747,442	489,365,171
Tài sản ngắn hạn khác	158		20,000,000	10,000,000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>158,096,773,402</b>	<b>146,585,375,954</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		507,562,271	535,823,188
TSCĐ hữu hình	221	VI.06	480,393,239	500,974,156
Nguyên giá	222		651,125,031	578,658,364
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(170,731,792)	(77,684,208)
TSCĐ vô hình	227	VI.08	27,169,032	34,849,032
Nguyên giá	228		38,400,000	38,400,000
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(11,230,968)	(3,550,968)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		157,500,000,000	146,000,000,000
Đầu tư vào công ty con	251	VI.11	157,500,000,000	146,000,000,000
Tài sản dài hạn khác	260		89,211,131	49,552,766
Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.12	89,211,131	49,552,766
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>280,724,791,627</b>	<b>258,292,901,180</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

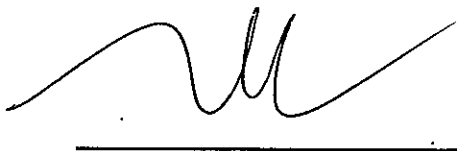
Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU				
<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>190,379,888,987</b>	<b>168,140,371,096</b>
Vốn chủ sở hữu	410	VI.22	190,292,388,987	168,126,371,096
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		166,964,290,000	137,045,625,000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		11,500,000,000	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		756,930,096	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		1,557,937,000	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		500,000,000	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420	VI.23	9,013,231,891	31,080,746,096
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		87,500,000	14,000,000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		87,500,000	14,000,000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>280,724,791,627</b>	<b>258,292,901,180</b>

CÁC CHẾ ĐỘ TÍNH GIÁ				
Ngoại tệ các loại (USD)			100.12	100.02

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính



**Nguyễn Tư Thịnh**  
Kế toán trưởng



Ngày 23 tháng 01 năm 2010  
**Nguyễn Hồng Dương**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

NĂM 2009

Đơn vị tiền tệ: VND

CHI TIẾT				
1. Tổng doanh thu	01	VI.27	16,215,743,796	3,436,232,012
2. Các khoản giảm trừ	02		-	32,010,132
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	16,215,743,796	3,404,221,880
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	14,568,732,042	2,784,985,866
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1,647,011,754	619,236,014
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	10,219,347,909	12,986,435,490
7. Chi phí tài chính	22	VI.29	-	1,020,000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	6,609,089
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,584,295,988	1,335,224,762
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		9,282,063,675	12,262,817,653
11. Thu nhập khác	31		672,318,333	30,650,619,955
12. Chi phí khác	32		10,077,142	190,832,456
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		662,241,191	30,459,787,499
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	VI.31	9,944,304,866	42,722,605,152
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		1,924,756,428	2,986,921,659
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		(153,489,676)	8,495,141,922
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		8,173,038,114	31,240,541,571
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



Nguyễn Tư Thịnh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Dương  
Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tiền tệ: VNĐ

### I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX, kinh doanh

1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01	13,972,337,484
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và DV	02	(14,822,540,604)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(1,262,059,694)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	-
5	Tiền chi nộp thuế TNDN	05	(1,325,594,355)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3,459,926,205
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1,844,271,833)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1,822,202,797)</b>

### II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(181,655,005)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1,400,000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(11,500,000,000)
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,245,861,797
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2,434,393,208)</b>

### III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	29,918,665,000
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16,683,879,000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>13,234,786,000</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>8,978,189,995</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>107,844,282,207</b>
	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>116,822,472,202</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 25 tháng 01 năm 2010



Nguyễn Tư Thịnh  
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Hồng Dương  
Tổng Giám đốc

( Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính )

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2203001113 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02 tháng 11 năm 2007;

Một số thông tin tổng hợp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Tên doanh nghiệp :           **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**  
Trụ sở chính:                 **Số 1 - Đường Cái Lân - P. Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh**  
Vốn kinh doanh:               **300.000.000.000 VNĐ**

#### **2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

- Kinh doanh khai thác cảng;
- Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, bảo quản, đóng gói và giao nhận hàng hoá
- Kinh doanh dịch vụ lưu kho, bãi;
- Vận tải, dịch vụ đại lý vận tải hàng hoá đường bộ, đường thủy, đại lý tàu biển;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển;
- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cảng biển;
- Xuất nhập khẩu hàng hoá./

### **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Niên độ kế toán:**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là VNĐ. Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc.

### **III CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn kèm theo.

#### **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung**

### **IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Hệ thống kế toán Việt Nam và hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn chuẩn mực Kế toán Việt Nam ( đợt 1);

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu chuẩn mực Kế toán Việt Nam ( đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu chuẩn mực Kế toán Việt Nam ( đợt 3);

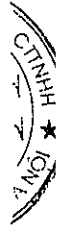
Quyết định số 12/2005/QĐ - BTC ngày 15 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu chuẩn mực kế toán Việt Nam ( đợt 4)

Quyết định số 100/2005/QĐ - BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam ( đợt 5)

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

### **V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP**

*Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm*



( Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính )

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền :

#### *Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền :*

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### *Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền Việt nam theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

#### *a. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### *b. Phương pháp hạch toán hàng tồn Kê khai thường xuyên*

#### *c. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:*

*Nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá, thành phẩm :* Phương pháp tính giá bình quân gia quyền

*Sản phẩm dở dang:*

#### *d. Phương pháp tính giá vốn hàng bán:*

Giá trị nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được tập hợp phân bổ theo từng mặt hàng, từng sản phẩm theo giá trị dự toán.

#### *e. Tình hình trích lập và hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho:*

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

#### *Nguyên tắc ghi nhận :*

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính. Khi có đơn thư, chứng từ chấp nhận mua hoặc hợp đồng kinh tế đã được

### 4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:

### 5. Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) :

#### *a. TSCĐ hữu hình:*

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình :*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xoá sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình :*

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính:

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

( Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính )

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Loại tài sản	Thời gian ( năm )
--------------	-------------------

Phương tiện vận tải	08
---------------------	----

Thiết bị dụng cụ quản lý	03-06
--------------------------	-------

**b. TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua riêng biệt bao gồm các khoản giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào sử dụng.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình : áp dụng nhất quán với chính sách khấu hao đang sử dụng*

Thời gian khấu hao:

Loại tài sản	Thời gian ( năm )
--------------	-------------------

Phần mềm kế toán	05
------------------	----

**6. Hợp đồng thuê tài chính (đối với bên đi thuê):**

*Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính :*

*Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính:*

**7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:**

**8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác:**

*Chi phí trả trước:* Theo nguyên tắc phù hợp;

*Chi phí khác:* Thực hiện theo thực tế;

*Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:* Theo đường thẳng;

*Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại:*

**9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu phát triển và triển khai:** Ghi theo tình hình thực tế;

**10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

*Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:*

*(a) Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.*

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản khác từ công ty liên kết mà nhà đầu tư nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi của các khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

*(b) Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.*

*Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.*

*Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:* Được ghi nhận theo giá gốc.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:*

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**11. Kế toán các hoạt động liên doanh:**

**12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác:**

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

**13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: (ghi theo thực tế)**

( Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính )

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

14. Ghi nhận các khoản thanh toán trước và dự phòng:

15. Ghi nhận trái phiếu có thể chuyển đổi:

16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: (Ghi theo thực tế)

17. Nguồn vốn chủ sở hữu:

*Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:*

*Ghi nhận cổ tức:*

*Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:* Chưa Thực hiện ;

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

*Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng :*

Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;

Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Xác định được phần công việc đã hoàn thành

Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:*

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng:

20. Các bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

21. Tái phân loại :

22. Các nghĩa vụ về thuế:

Thuế suất thuế GTGT hàng bán ra chịu mức thuế suất 5%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 bằng 25% lợi nhuận thu được. Đơn vị được giảm 30% thuế TNDN năm 2009 căn cứ quy định tại nghị quyết 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 và thông tư hướng dẫn 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009;

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

## VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
Tiền mặt tại quỹ	31,695,737	40,208,010
Tiền gửi ngân hàng	1,290,776,465	2,210,534,059
- Tiền Việt Nam	1,289,031,687	2,208,791,019
Ngân hàng Hàng hải Quảng Ninh	860,857,025	1,504,196,489
Ngân hàng Ngoại Thương VN-CN Hạ Long	416,070,416	704,594,530
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Ninh	3,468,120	-

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

( Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính )

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ngân hàng An Bình - CN Quảng Ninh	8,636,126	-
- Ngoại tệ	1,744,778	1,743,040
Ngân hàng Hàng hải Quảng Ninh- USD	1,744,778	1,743,040
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>115,500,000,000</b>	<b>105,593,540,138</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	115,500,000,000	105,593,540,138
Ngân hàng Hàng hải Quảng Ninh	48,000,000,000	105,593,540,138
Ngân hàng Ngoại Thương VN-CN Hạ Long	53,500,000,000	
Ngân hàng An Bình - CN Quảng Ninh	14,000,000,000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>116,822,472,202</b>	<b>107,844,282,207</b>

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>3,461,292,850</b>	<b>342,317,957</b>
Công ty XNK nông lâm sản và vật tư NN	-	342,317,957
Công ty CP Xi măng Thăng Long	2,998,805,250	-
Công ty CP xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội	19,278,000	-
Công ty CP Đầu tư Thăng Long Việt Nam	381,392,100	-
Công ty Hải Long - Bộ Quốc Phòng	13,000,000	-
Công ty TNHH DV vận tải Việt Nhật Số 2	48,817,500	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>17,536,162</b>	<b>12,563,000</b>
Trung tâm thông tin tài nguyên & môi trường	5,000,000	5,000,000
Công ty TNHH kiểm toán tư vấn Thủ Đô (CACC)	12,000,000	7,500,000
Viễn thông Quảng Ninh	536,162	63,000
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>2,270,969,569</b>	<b>2,978,996,891</b>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu	973,486,112	1,978,996,891
Phải thu công ty Việt Nhật số 2	5,631,457	-
Phải trả công ty CP Đông Dương	1,291,852,000	1,000,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>5,749,798,581</b>	<b>3,333,877,848</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác</b>	<b>5,749,798,581</b>	<b>3,333,877,848</b>

**3. Hàng tồn kho**

**4. TS ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
Thuế GTGT còn được khấu trừ	5,747,442	489,365,171
Chi phí trả trước ngắn hạn	30,000,000	30,000,000
Tạm ứng	20,000,000	10,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>55,747,442</b>	<b>529,365,171</b>

**5. Các khoản phải thu dài hạn**

**6. Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình**

CHỈ TIÊU	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	TSCĐ KHÁC	THIẾT BỊ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	-	521,350,745	-	57,307,619	578,658,364



( Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính )

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tăng trong năm	-	-	-	72,466,667	72,466,667
Mua sắm mới	-	-	-	72,466,667	72,466,667
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	521,350,745	-	129,774,286	651,125,031

**HAO MÒN LUYỄN KẾ**

Số dư đầu năm		64,486,383		13,197,825	77,684,208
Tăng trong năm	-	65,168,856	-	27,878,728	93,047,584
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	129,655,239	-	41,076,553	170,731,792

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Số đầu năm	-	456,864,362	-	44,109,794	500,974,156
Số cuối năm	-	391,695,506	-	88,697,733	480,393,239

7. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính ( TSCĐ thuê TC)

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Tổng cộng
----------	-------------------	-------------------------	-----------

**NGUYÊN GIÁ**

Số đầu năm		38,400,000		38,400,000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	38,400,000	-	38,400,000

**HAO MÒN LUYỄN KẾ**

Số đầu năm		3,550,968		3,550,968
Tăng trong kỳ		7,680,000		7,680,000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	11,230,968	-	11,230,968

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Số đầu năm	-	34,849,032	-	-	34,849,032
Số cuối kỳ	-	27,169,032	-	-	27,169,032

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

10. Tăng giảm bất động sản đầu tư

11. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn

a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Đầu tư vào công ty con	157,500,000,000	146,000,000,000
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ QT Cái Lân	146,000,000,000	146,000,000,000

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

( Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính )

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty CP dịch vụ kho vận Cái Lân	11,500,000,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>157,500,000,000</b>	<b>146,000,000,000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
<b>Giá trị thuần của đầu tư TC dài hạn</b>	<b>157,500,000,000</b>	<b>146,000,000,000</b>

\* Danh sách các công ty con, công ty liên kết, liên doanh quan trọng.

- Công ty con: CICT - Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân

- Công ty con: Công ty CP dịch vụ kho vận Cái Lân

### 12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Chi phí công cụ dụng cụ	43,559,298	49,552,766
Chi phí trả trước dài hạn khác	45,651,833	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>89,211,131</b>	<b>49,552,766</b>

### 13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

#### a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

#### b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
Thuế TN hoãn lại phải trả	7,431,458,469	8,495,141,922
<b>Tổng cộng</b>	<b>7,431,458,469</b>	<b>8,495,141,922</b>

### 14. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

### 15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	31/12/2009	01/01/2009
<b>Phải trả người bán</b>	<b>2,134,491,215</b>	<b>598,690,622</b>
Công ty TNHH tư vấn công trình giao thông	26,735,500	26,735,500
Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh	-	506,137,122
Ban đền bù giải phóng mặt bằng	65,818,000	65,818,000
Công ty truyền thông CTUS	600	-
Công ty TNHH Nhất Thắng	380,724,750	-
Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	69,792,115	-
Công ty CP TM Vận tải Thành Vũ	340,042,500	-
Công ty CP Thương mại Lương Sơn	383,355,000	-
Xí nghiệp chế biến lâm sản Nam Thắng.	154,612,500	-
Công ty CP TM Vận tải Thịnh Phát	22,950,000	-
Doanh nghiệp tư nhân Hùng Luyến	305,707,500	-
Công ty TNHH Thương mại Quyết Thắng	363,820,750	-
Công ty CP vận tải TM Dũng Thịnh	12,432,000	-
C.ty TNHH Phần mềm và QCáo TM Việt Nam	8,500,000	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,134,491,215</b>	<b>598,690,622</b>

### 16. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
<b>a. Thuế phải nộp Nhà nước</b>	<b>1,946,274,639</b>	<b>1,367,721,544</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,924,756,428	1,325,594,355

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

( Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính )

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Thuế Thu nhập cá nhân	21,518,211	42,127,189
<b>b. Các khoản phải nộp khác</b>	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,946,274,639</b>	<b>1,367,721,544</b>
<b>17. Chi phí phải trả</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Chi phí phải trả	46,179,549,971	46,607,836,655
<i>Trong đó:</i>		
- Thuế nhà đất phải nộp cho quyền sử dụng đất góp vốn vào CICT	20,734,729,931	21,163,016,615
- CP đền bù GPMB phải trả cục Hàng hải	24,945,902,000	24,945,902,000
- CP đền bù GPMB phải trả BQL	498,918,040	498,918,040
<b>Tổng cộng</b>	<b>46,179,549,971</b>	<b>46,607,836,655</b>
<b>18. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Bảo hiểm Xã hội	346,320	72,190
Bảo hiểm thất nghiệp	34,632	-
Kinh phí công đoàn	51,948	6,800,000
Doanh thu chưa thực hiện	30,939,133,216	31,578,151,458
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,291,852,000	1,291,852,000
- Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	1,291,852,000	1,291,852,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>32,231,418,116</b>	<b>32,876,875,648</b>

19. Phải trả dài hạn nội bộ

20. Các khoản vay và nợ dài hạn

21. Các khoản nợ thuê tài chính

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

A	Vốn đầu tư, vốn khác của CSH 1	Quỹ ĐTPT, dự phòng tài chính 2	Quỹ khác của vốn CSH 3	...	Cộng 5
Số dư đầu năm trước	(81,795,475)				(81,795,475)
Tăng vốn trong năm trước	137,045,625,000				
Lãi trong năm trước	31,162,541,571				
Tăng khác					
Giảm vốn trong năm trước					
Lỗ trong năm trước					
Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm trước số dư đầu năm nay</b>	<b>168,126,371,096</b>				<b>168,126,371,096</b>
Tăng vốn trong năm nay	29,918,665,000	13,814,867,096	500,000,000		
Lãi trong năm nay	8,173,038,114				
Tăng khác	12,410,193,777				
Giảm vốn trong năm nay					
Lỗ trong năm nay					
Giảm khác	31,150,746,096	11,500,000,000			
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>187,477,521,891</b>	<b>2,314,867,096</b>	<b>500,000,000</b>		<b>190,292,388,987</b>

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

( Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính )

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### b. Chi tiết đầu tư Vốn CSH

	31/12/2009	01/01/2009
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	76,500,000,000	76,500,000,000
Công ty CP xuất nhập khẩu Hà Nội	9,000,000,000	9,000,000,000
Cảng Quảng Ninh	36,744,710,000	22,500,000,000
Cổ đông cá nhân	44,719,580,000	29,045,625,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>166,964,290,000</b>	<b>137,045,625,000</b>

### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu năm	137,045,625,000	
Vốn góp tăng trong năm	29,918,665,000	137,045,625,000
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	<b>166,964,290,000</b>	<b>137,045,625,000</b>

### 23. Lãi chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
- Lãi lũy kế đến 01/01	31,080,746,096	(81,795,475)
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	8,173,038,114	31,240,541,571
- Phân phối lợi nhuận	31,150,746,096	78,000,000
<i>Quỹ đầu tư PT</i>	12,256,930,096	
<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	1,557,937,000	
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	152,000,000	78,000,000
<i>Trả cổ tức</i>	16,683,879,000	
<i>Quỹ khác thuộc VCSH</i>	500,000,000	
- Tăng khác (hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại do thay đổi thuế suất thuế TNDN)	910,193,777	
- Lãi lũy kế đến 31/12	<b>9,013,231,891</b>	<b>31,080,746,096</b>

### 24. Nguồn kinh phí

### 25. Tài sản thuê ngoài

### 26. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan được thể hiện như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư đến 31/12/2009
Công ty CP dịch vụ kho vận Cái Lân	Công ty con	Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng	11,500,000,000
CICT	Công ty con	Góp vốn bằng giá trị QSD đất	146,000,000,000

### 27. Doanh thu

#### a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	31/12/2009	01/01/2009
Tổng doanh thu	16,215,743,796	3,436,232,012
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	900,845,454	3,436,232,012

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

( Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính )

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

1. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác.
2. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
3. Những thông tin khác.



**Nguyễn Tư Thịnh**  
Kế toán trưởng



Ngày 22 tháng 01 năm 2010

**Nguyễn Hồng Dương**  
Tổng Giám đốc